

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Nam

2/ Bà Nguyễn Thị Nở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6041/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hương L, sinh năm 1976

Địa chỉ: 24/10 Đường Đ, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 12 Đường A, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1962

Địa chỉ: 3337 Mt Wilson DR. San Jose, CA 95127, USA.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 24/6/2019, bản tự khai ngày 14/8/2019 của nguyên đơn bà Trương Thị Hương L trình bày:

Tôi và ông Lê Văn T tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 63 do Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/5/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi liên tục xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tôi ở Việt Nam còn chồng tôi ở nước ngoài. Từ tháng 02/2019 đến nay chúng tôi đã ly thân và không gặp nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm không còn, khả năng hàn gắn không có nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Văn T để ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Trương Thị Hương L khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Hương L khai không có.

Tại bản tự khai ngày 29/11/2019 của ông Lê Văn T đã được hợp thức hóa lãnh sự tại Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ ngày 29/11/2019 trình bày: Tôi có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số 413/TB-TLVA ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tôi xin tự khai như sau: Tôi và bà Trương Thị Hương L tự nguyện kết hôn vào năm 2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 63 được Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau thời gian ngắn ban đầu hạnh phúc nhưng từ đầu cuối năm 2018 đến nay thì giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Hiện tại tôi đang định cư ở Hoa Kỳ còn bà Trương Thị Hương L sinh sống Tại Việt Nam. Hai bên không sống cùng nhau trong một thời gian dài nên không có cơ hội để nói chuyện chia sẻ và giải quyết mâu thuẫn gia đình.

Nay tôi được biết vợ tôi là bà Trương Thị Hương L có gửi đơn xin ly hôn lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tôi nhận thấy hiện nay tình cảm giữa tôi và bà Trương Thị Hương L không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi làm bản tự khai này, về quan hệ hôn nhân tôi đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Hương L, sinh năm 1976; địa chỉ: 24/10 Đường Đ, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 16/12/2019, nguyên đơn bà Trương Thị Hương L có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử.

Bị đơn ông Lê Văn T có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án ly hôn giữa tôi và bà Trương Thị Hương L vì lý do hiện tại ông đang đang sống và làm việc tại Hoa Kỳ, vấn đề đi lại rất khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Lê Văn T đang cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét bà Trương Thị Hương L và ông Lê Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Thị Hương L, ông Lê Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Hương L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 63 được Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/5/2018 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Hương L và ông Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo lời khai của bà L và ông Lê Văn T thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Hai bên không sống cùng nhau trong một thời gian dài nên không có cơ hội để hàn gắn gia đình. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà L và ông Lê Văn T mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp, bà L và ông Lê Văn T có lời khai thuận tình ly hôn để cả hai có điều kiện để ổn định cuộc sống nhưng do ông Lê Văn T không tham gia phiên tòa nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bà Trương Thị Hương L được ly hôn với ông Lê Văn T.

Con chung: Bà Trương Thị Hương L và ông Lê Văn T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Hương L và ông Lê Văn T khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trương Thị Hương L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm a Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Hương L.

Quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hương L được ly hôn với ông Lê Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63 được Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/5/2018 cấp cho bà Trương Thị Hương L và ông Lê Văn T không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị Hương L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024071 ngày 25/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Trương Thị Hương L nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Lê Văn T thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân quận P, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nam Nguyễn Thị Nở

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân quận P, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA